

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 23/2018/TT-BGTVT ngày 04/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và phân tích, thống kê báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt;

Căn cứ quyết định số 832/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành Quy chế quản lý công tác an toàn giao thông đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban An ninh - An toàn giao thông đường sắt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt” của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế “Quy định kiểm tra công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt” ban hành kèm theo quyết định số 1072/QĐ-ĐS ngày 29/7/2016 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Giám đốc các Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Giám đốc Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt; Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại các Công ty: Cổ phần vận tải đường sắt, Cổ phần đường sắt, Cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt, các doanh nghiệp khác và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục ĐSVN (b/c);
- ĐU, HẾTV (b/c);
- KSV TCT;
- CĐ, ĐTN TCT;
- Các Phó TGĐ TCTy (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, ANAT(5).

} P08



QUY ĐỊNH

Công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1013/QĐ-ĐS**, ngày **20** tháng 7 năm 2018 của
Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao thông trên mạng lưới đường sắt do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trình tự, nội dung công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt đối với:

- Các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động trên đường sắt do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý.

- Các phương tiện giao thông đường sắt hoạt động trên các tuyến đường sắt quốc gia do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý.

- Các phương tiện giao thông đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý trên các tuyến đường sắt chuyên dùng có kết nối với Đường sắt Quốc gia.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng, thông tin tín hiệu đường sắt do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý.

Điều 2. Giải thích một số từ viết tắt

- GTĐS - Giao thông đường sắt;
- Trung tâm ĐHVTTĐS - Trung tâm điều hành vận tải đường sắt;
- TCT ĐSVN – Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- CNKTĐS - Chi nhánh khai thác đường sắt (bao gồm cả ga Đồng Đăng);
- CNXNĐM - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy;
- Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN bao gồm: các Chi nhánh KTĐS, các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy;
- Công ty CP VTĐS - Công ty cổ phần vận tải đường sắt;

- Công ty CPĐS - Công ty cổ phần đường sắt;
- Công ty CPTTTHĐS - Công ty cổ phần thông tin tin hiệu đường sắt;
- ATGTĐS - An toàn giao thông đường sắt;
- AN-ATGTĐS - An ninh – An toàn giao thông đường sắt;
- PTGTĐS – Phương tiện giao thông đường sắt;

Điều 3. Mục đích

Công tác kiểm tra đảm bảo ATGTĐS nhằm phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các thiếu sót trong công tác đảm bảo ATGTĐS, đồng thời thông qua công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, cá nhân trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đảm bảo ATGTĐS, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm, đưa công tác đảm bảo ATGTĐS vào kỷ cương nề nếp.

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA AN TOÀN GTĐS

Điều 4. Nguyên tắc của công tác kiểm tra

1. Tại một thời điểm, ở một đơn vị chỉ có duy nhất một đoàn kiểm tra về công tác đảm bảo an toàn GTĐS.
2. Trong trường hợp tại một thời điểm ở một đơn vị có nhiều đoàn kiểm tra:
 - Khi có đoàn kiểm tra của Tổng công ty ĐSVN thì Trưởng đoàn kiểm tra của Tổng công ty chủ trì.
 - Khi không có đoàn kiểm tra của Tổng công ty:
 - + Nếu nhiều đoàn kiểm tra cùng một đơn vị thì Trưởng đoàn kiểm tra cấp trên của đơn vị được kiểm tra chủ trì.
 - + Nếu các đoàn kiểm tra cùng kiểm tra nhiều đơn vị trong cùng khu vực (khu ga) thì Trưởng đoàn kiểm tra của Chi nhánh KTĐS sở tại chủ trì.
3. Người chủ trì kiểm tra có trách nhiệm quyết định các nội dung kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn kiểm tra; kết luận kết quả kiểm tra và chịu trách nhiệm về các kết luận của mình.
4. Công tác kiểm tra phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các quy định về ATGTĐS; không gây phiền hà sách nhiễu cho đơn vị được kiểm tra; kết luận kiểm tra phải trung thực, khách quan; phải có biện pháp bảo cứu để đơn vị kiểm tra khắc phục các tồn tại phát hiện trong quá trình kiểm tra; các kiến nghị của đơn vị phải được giải quyết hoặc báo cáo kịp thời để cấp có thẩm quyền giải quyết.
5. Công tác kiểm tra phải có bút tích nhận xét về kết quả kiểm tra và biên bản kiểm tra (có mẫu phụ lục kèm theo); biên bản kiểm tra được lập và sao thành 4 bản: 01 bản lưu của đoàn kiểm tra, 01 bản lưu đơn vị được kiểm tra, 01

bản được gửi về cấp trên trực tiếp của đơn vị được kiểm tra để xem xét xử lý, trường hợp phát hiện các sai phạm mang tính chất hệ thống hoặc liên quan đến nhiều đơn vị uy hiếp đến an toàn chạy tàu phải gửi 01 bản về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN-ATGTĐS) để xử lý.

6. Tổng công ty khuyến khích các đơn vị thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, xử lý. Các tồn tại, vi phạm phát hiện trong quá trình tự kiểm tra của đơn vị không tính trừ thành tích thi đua, khen thưởng của đơn vị.

Điều 5. Phạm vi kiểm tra

1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS của tất cả các đơn vị, cá nhân, hệ thống kết cấu hạ tầng, thông tin tín hiệu đường sắt, các phương tiện giao thông đường sắt tham gia hoạt động đường sắt trên toàn mạng lưới đường sắt thuộc Tổng công ty quản lý, khai thác.

2. Các Chi nhánh khai thác đường sắt

Kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS của tất cả các đơn vị, cá nhân, hệ thống kết cấu hạ tầng (bao gồm cả hành lang ATGTĐS, hệ thống đường ngang), thông tin tín hiệu đường sắt, các phương tiện giao thông đường sắt tham gia hoạt động đường sắt trong phạm vi được giao quản lý.

3. Các đơn vị khác

Kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS của các cá nhân, tập thể, hệ thống kết cấu hạ tầng, thông tin tín hiệu đường sắt, các phương tiện giao thông đường sắt tham gia hoạt động đường sắt, công tác an toàn trong vận chuyển hàng hóa và hành khách trong phạm vi quản lý của đơn vị.

4. Trong phạm vi kiểm tra công tác đảm bảo an toàn GTĐS, khi phát hiện các sai sót, vi phạm (không phân biệt đơn vị hoặc phạm vi quản lý) cán bộ kiểm tra có trách nhiệm chấn chỉnh kịp thời và thông báo cho đơn vị có vi phạm để xử lý. Các trường hợp vi phạm có nguy cơ uy hiếp đến ATGTĐS phát hiện trong quá trình kiểm tra phải tạm thời đình chỉ để bổ cứu đảm bảo ATGTĐS như: thi công không có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn, không đúng như nội dung trong giấy phép, thi công phải thực hiện biện pháp phòng vệ ngừng tàu nhưng đơn vị thi công không áp dụng biện pháp này; các chức danh lên ban làm việc có nồng độ cồn vượt quá quy định; chứng chỉ của các chức danh không phù hợp với công việc đang làm,... Sau khi tạm thời đình chỉ phải báo về đơn vị trực tiếp quản lý và báo cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

Điều 6. Nhiệm vụ của đoàn (tổ) kiểm tra

Thực hiện đúng nhiệm vụ chức năng, quyền hạn được Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN và Thủ trưởng các đơn vị quy định; trung thực, khách quan và mang tính xây dựng, không được gây khó khăn cho đơn vị, cá nhân được kiểm tra.

Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản và tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo lãnh đạo đơn vị theo quy định.

Điều 7. Quyền hạn của các đoàn (tổ) kiểm tra

1. Yêu cầu cá nhân, đơn vị được kiểm tra cung cấp các tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Đình chỉ các hoạt động của con người, phương tiện, thiết bị, kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp nếu để tiếp tục hoạt động sẽ uy hiếp đến an toàn các mặt hoặc gây hậu quả.

3. Trưng dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng công ty ĐSVN để phục vụ công tác kiểm tra; yêu cầu cung cấp và sử dụng dữ liệu trích xuất từ hệ thống ghi âm điện thoại: điều độ, trực ban chạy tàu ga, đường ngang; hệ thống camera giám sát tại: các phòng TBCT, khu vực ghi, đường ngang, trên đầu máy...; được lên các phương tiện GTĐS, vào các vị trí làm việc để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra;

4. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét lại hình thức xử lý đối với các vi phạm nếu xét thấy việc xử lý chưa thoả đáng.

Điều 8. Hình thức kiểm tra

Công tác kiểm tra đảm bảo ATGTĐS có 2 hình thức chủ yếu sau:

1. Kiểm tra theo chương trình kế hoạch: là kiểm tra theo nội dung kế hoạch đã xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung chương trình kiểm tra được thông báo trước cho cấp trên của đơn vị được kiểm tra và đơn vị được kiểm tra.

2. Kiểm tra đột xuất: là kiểm tra một số nội dung về việc thực hiện quy trình tác nghiệp của các nhân viên trực tiếp làm công tác chạy tàu, công tác đảm bảo ATGTĐS của các đơn vị. Chủ yếu là kiểm tra hiện trường, kiểm tra vào ban đêm (từ sau 0h00' đến trước 05h00' hàng ngày).

Điều 9. Chế độ kiểm tra của các chức danh lãnh đạo quản lý, lao động quản lý

1. Thành viên Ban Tổng giám đốc và các Ban chuyên môn Tổng công ty ĐSVN hàng tháng phải kiểm tra đối với các đơn vị cơ sở trong việc thực hiện các quy định về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo ATGTĐS thuộc lĩnh vực phụ trách ít nhất 01 lần/tháng.

2. Các đơn vị:

2.1. Hàng tháng phải xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra đảm bảo ATGTĐS, thông báo trong toàn đơn vị.

2.2. Chế độ kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất của các chức danh liên quan trong đơn vị (không bao gồm kiểm tra nghiệm thu, phúc tra sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đối với các Công ty CPĐS, CP TTTHĐS):

- Người đại diện phân vốn Tổng công ty tại các đơn vị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị: ít nhất 01 lần/tháng;

- Giám đốc: ít nhất 02 lần/tháng, trong đó có ít nhất 01 lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm;

- Phó giám đốc: ít nhất 03 lần/tháng/người, trong đó có ít nhất 02 lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm.

- Trưởng, phó các phòng (kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn, tổ chức): ít nhất 04 lần/tháng/người, trong đó có ít nhất 02 lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm;

- Chức danh Giám sát khu vực: ít nhất 02 lần/tháng/đơn vị trong khu vực được giao quản lý, theo dõi, trong đó có ít nhất 50% số lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm;

- Chức danh Trưởng ga, Cung trưởng cung chắn, Cung trưởng cầu đường, Cung trưởng cung thông tin tín hiệu..., số lần kiểm tra do lãnh đạo đơn vị quy định (nhưng không ít hơn 04 lần/tháng, riêng cung trưởng cung chắn: ít nhất 01 lần/trạm chắn), trong đó có ít nhất 50% số lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm.

- Trưởng ga thuộc các Chi nhánh KTĐS ngoài việc kiểm tra trong nội bộ ga phải thực hiện công tác kiểm tra đối với các bộ phận của đơn vị thuộc liên hiệp lao động khu ga ít nhất 01 lần/tháng.

2.3. Việc kiểm tra trạng thái kỹ thuật cầu đường, thông tin tín hiệu của các Công ty CPĐS và CP TTTHĐS trong phạm vi quản lý của đơn vị bằng hình thức áp máy trên các đoàn tàu, Tổng công ty ĐSVN có quy định riêng.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân được kiểm tra

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn, cán bộ kiểm tra hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được quy định.

2. Ký vào biên bản kết quả kiểm tra, tiếp thu và có biện pháp khắc phục các tồn tại, xử lý các vi phạm theo qui chế hiện hành và báo cáo kết quả về đơn vị kiểm tra (trường hợp có những vấn đề chưa thống nhất với kết luận của đoàn kiểm tra thì ghi ý kiến bảo lưu vào biên bản kiểm tra để thủ trưởng cơ quan có đoàn hoặc cán bộ kiểm tra xem xét).

3. Phản ánh kịp thời đến Thủ trưởng cơ quan có cán bộ, đoàn kiểm tra về các sai phạm hoặc nội dung kiểm tra không phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cán bộ, đoàn kiểm tra để xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 11. Trình tự kiểm tra

1. Kiểm tra theo chương trình kế hoạch:

1.1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, trình Lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

1.2. Trước 7 ngày phải thông báo đến đơn vị được kiểm tra nội dung, chương trình và thời gian kiểm tra (*lưu ý phải thông báo đến đơn vị và cấp trên*

trực tiếp của đơn vị được kiểm tra trước ngày tiến hành kiểm tra để đơn vị chuẩn bị nội dung báo cáo và cử Lãnh đạo làm việc với đoàn)

1.3. Tiến hành kiểm tra:

- Đơn vị được kiểm tra báo cáo theo yêu cầu các nội dung kiểm tra.
- Phân công các thành viên trong đoàn tiến hành kiểm tra thực tế trên sổ sách nội nghiệp và hiện trường.
- Tập hợp kết quả kiểm tra để Trưởng đoàn thống nhất ghi biên bản kiểm tra (lưu ý trong biên bản kiểm tra cần ghi rõ nội dung, đề xuất, kiến nghị).
- Họp đoàn kiểm tra với Lãnh đạo đơn vị để thông báo kết quả kiểm tra.

1.4. Thông báo kết quả kiểm tra và theo dõi kết quả xử lý các tồn tại phát hiện trong quá trình kiểm tra theo quy định.

2. Kiểm tra đột xuất:

2.1. Báo cáo Lãnh đạo trực tiếp kế hoạch, chương trình kiểm tra đột xuất.

2.2. Xuất trình thẻ kiểm tra, các giấy tờ cần thiết liên quan đến nhiệm vụ của người kiểm tra đối với tập thể cá nhân được kiểm tra và tiến hành kiểm tra.

2.3. Lập biên bản kết quả kiểm tra và ghi kết quả vào sổ kiểm tra của đơn vị được kiểm tra (*trường hợp không thể ghi kết quả kiểm tra vào sổ kiểm tra của đơn vị thì ra thông báo kết quả kiểm tra đến thủ trưởng đơn vị được kiểm tra*).

2.4. Thông báo kết quả kiểm tra và theo dõi kết quả xử lý các tồn tại phát hiện trong quá trình kiểm tra theo quy định.

Điều 12. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra công tác quản lý ATGTĐS:

Căn cứ vào các quy định và tình hình thực tế tại các Trạm, Đội, ga, Chi nhánh, Công ty, Xí nghiệp, phòng trực ban, chòi ghi... tiến hành kiểm tra các nội dung sau:

- Việc tổ chức học tập và triển khai thực hiện Luật đường sắt, các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định, các văn bản của các cấp có liên quan đến công tác đảm bảo ATGTĐS; các quy phạm, quy trình chạy tàu, sửa chữa bảo dưỡng KCHT, PTGTĐS.

- Công tác xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công tác quản lý ATGTĐS của đơn vị.

- Công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nghiệp vụ kỹ thuật cho CBCNV.

- Công tác quản lý, cấp phát các vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ công tác đảm bảo ATGTĐS (cờ, đèn, chèn, pháo, biển phòng vệ, tín hiệu cảnh báo, thiết bị phòng chống cháy nổ, dụng cụ thoát hiểm...); vật tư, phụ tùng dự phòng phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng PTGTĐS.

- Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra và triển khai thực hiện của đơn vị. Việc theo dõi, quản lý, kiểm tra, chăm sóc, khám sức khỏe đối với các chức

đang trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu trước khi lên, xuống ban và thường trực của lãnh đạo đơn vị.

- Công tác xây dựng và triển khai, chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn của đơn vị.

- Công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật, các quy trình sửa chữa định kỳ, công tác nghiệm thu các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu hạ tầng.

- Các bảng biểu, nội qui, các sổ sách ấn chỉ và việc ghi chép đúng và đủ theo quy định.

- Việc xây dựng công tác phối hợp giải quyết cứu hộ, cứu nạn, điều tra, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt trong phạm vi đơn vị quản lý.

- Công tác bố trí nhân lực, vị trí, phương tiện, trang thiết bị và chế độ thường trực phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn.

- Chứng chỉ nghề nghiệp của các nhân viên trực tiếp làm công tác chạy tàu.

- Thực hiện chế độ đồng phục, bảo hộ lao động, tư thế tác phong.

- Việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động để đảm bảo ATGTĐS.

- Công tác liên hiệp lao động của các đơn vị trong khu vực.

- Công tác theo dõi các điểm đen về ATGTĐS, các điểm vi phạm hành lang ATGTĐS, các điểm xung yếu và các biện pháp đảm bảo an toàn chạy tàu khi có bão lũ xảy ra.

- Công tác phân tích quy trách nhiệm các sự cố, tai nạn chạy tàu và xử lý vi phạm sau kiểm tra, biện pháp khắc phục các tồn tại, chế độ thông kê báo cáo.

- Công tác vệ sinh công nghiệp, an toàn về điện, cháy nổ, ...

2. Kiểm tra theo nghiệp vụ chuyên môn:

Ngoài các quy định tại mục 1 trên, đối với từng hệ cần tiến hành kiểm tra một số nội dung cụ thể như sau:

2.1. Đối với hệ đầu máy:

2.1.1. Kiểm tra đầu máy đang vận dụng:

- Với ban lái tàu: chứng chỉ nghề nghiệp có phù hợp không, hiểu biết về công điện, chỉ thị về ATGTĐS, quy định về ATGTĐS, nghiệp vụ chuyên môn của ban lái tàu, trạng thái sức khỏe, nồng độ cồn.

- Với đầu máy: sự đầy đủ của các trang thiết bị, dụng cụ phòng vệ, dụng cụ đảm bảo an toàn và hoạt động của các thiết bị đó (cờ, đèn tín hiệu tay, chèn, pháo phòng vệ, chống ngủ gật, hệ thống chiếu sáng, hệ thống còi, thiết bị theo dõi tốc độ, niêm phong thiết bị lưu giữ tốc độ, hệ thống camera giám sát, cảnh báo...); số lượng, chất lượng của dụng cụ, vật tư dự phòng; công tác vệ sinh, sự ngăn nắp và các quy định khác.

2.1.2. Tại khu vực tác nghiệp chính bị

- Sổ khai báo chất lượng máy và các công việc đã sửa chữa hoàn thiện đối với đầu máy đang kiểm tra.

- Mức độ hoàn thiện chế độ tác nghiệp, chỉnh bị đầu máy trước khi ra kho kéo tàu.

2.1.3 Kiểm tra tại xưởng sửa chữa các cấp

- Công tác quản lý hồ sơ, lý lịch theo dõi của đầu máy.

- Việc thực hiện các quy trình, quy phạm và các văn bản quy định trong quá trình sửa chữa các cấp.

- Công tác quản lý, cấp phát vật tư, chất lượng phụ tùng vật tư phục vụ sửa chữa.

2.1.4. Kiểm tra áp máy trên đường

Đầu máy chạy đơn hoặc kéo tàu hoạt động trên đường. Việc kiểm tra có thể tiến hành từ ga xuất phát hoặc từ ga dừng tàu dọc đường; có thể suốt hành trình hoặc theo cung đoạn.

Ngoài việc thực hiện các nội dung kiểm tra đầu máy đã nêu trên, cần kiểm tra một số nội dung:

- Việc chấp hành các quy định về ATGTĐS, trình tự tác nghiệp của ban lái tàu trong suốt hành trình (chế độ hô đáp, kéo còi, thao tác hãm, quan sát phía trước và đuôi đoàn tàu...).

- Việc giám sát chất lượng đầu máy, hoạt động của các thiết bị an toàn.

- Việc chấp hành các quy định liên quan đến ATGTĐS, công lệnh, chỉ thị... của các nhân viên trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu làm việc dưới mặt đất như tuần đường, gác chắn, trực ban, gác ghi, gác cầu...

- Trạng thái cầu, đường, TTHH và tầm nhìn tín hiệu...

- Phát hiện các nguy cơ uy hiếp đến ATGTĐS khác.

- Thiết bị tín hiệu đuôi tàu: kết nối của lái tàu điều khiển với máy chính đuôi tàu, tính năng tác dụng của thiết bị ...

2.1.5. Tại nơi nghỉ cho Lái tàu lên, xuống ban:

- Các điều kiện sinh hoạt, nghỉ ngơi và vệ sinh cho ban lái tàu.

- Đối chiếu giữa bảng đăng ký ngoài phòng nghỉ và thực tế lái tàu đang nghỉ tại phòng; việc nhắc nhở và đôn đốc lên ban; theo dõi quản lý tỷ mỹ thời gian nghỉ ngơi của lái tàu.

2.2. Đối với hệ toa xe:

2.2.1. Công tác kiểm tra khám chữa đoàn tàu

- Đội hình khám chữa toa xe lên ban: nhân lực lên ban, phân công chức danh công tác, đội hình khám chữa, chế độ giao nhận ban theo quy định; tư thế tác phong, thực hiện chế độ bảo hộ lao động; số lượng, chất lượng dụng cụ khám chữa và thực hiện các quy định khác liên quan đến ATGTĐS.

- Khám chữa đoàn tàu về:

+ Công tác đón đoàn tàu về: việc triển khai đội hình đón tàu trước khi tàu về; bố trí đội hình tại đường đón tàu; tư thế và động tác đón tàu của các chức danh; an toàn lao động.

+ Công tác thử hãm đoàn tàu về: công tác phòng vệ trước khi thử hãm; trình tự thử hãm và các bước thử hãm theo quy định; đạt kiểm định và độ chính xác của đồng hồ thử hãm.

+ Công tác khám chữa đoàn tàu về: việc phòng vệ đoàn xe trước khi khám theo quy định; triển khai đội hình khám chữa; việc thực hiện khám xét đoàn xe; việc đánh dấu, ghi chép các hư hỏng phát hiện trong quá trình khám xét đoàn xe.

- Khám chữa đoàn tàu đi:

+ Đối với các đoàn tàu khách, công tác kiểm tra chỉnh bị đoàn tàu theo quy định (kiểm tra, sửa chữa các bộ phận chạy, hệ thống hãm, trang thiết bị phục vụ hành khách, máy phát...).

+ Công tác khám chữa: thực hiện kiểm tra như đối với khám chữa đoàn tàu về.

+ Công tác thử hãm: công tác phòng vệ, đội hình thử hãm; trình tự và các bước thử hãm theo quy định; cách xử lý khi phát hiện sự cố và kiểm tra ghi chép để trạm khám xe sau biết và xử lý (theo quy định tác nghiệp); việc xác nhận chất lượng hãm đoàn tàu với hội đồng thử hãm theo quy định (ký biên bản xác nhận chất lượng hãm...).

- Công tác tiễn tàu đi: vị trí, đội hình tiễn tàu; tư thế tiễn tàu của từng công nhân khám xe; biện pháp xử lý nếu phát hiện được hư hỏng của toa xe khi tiễn tàu đi và sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ của công nhân khám chữa toa xe.

2.2.2. Kiểm tra trạng thái kỹ thuật từng toa xe

- Lý lịch của các toa xe: đạt sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, thông số kỹ thuật, cấu tạo và tính năng sử dụng của toa xe theo quy định (ngày tháng năm đóng mới, sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng kỹ thuật: KH, KM, BM, LD...).

- Kiểm tra trạng thái kỹ thuật thực tế của toa xe:

+ Thân xe: độ nghiêng lệch của thùng xe; độ phình, cong võng thùng bệ, chân cầu, tay vịn, cửa lên xuống.

+ Bộ phận đầu xe: súp lê, cầu giao thông, thành đầu xe.

+ Đầu đấm móc nối: cần gạt, đầu móc, lưỡi móc, chiều cao đầu đấm, thân móc, cổ móc, bộ phận đỡ đấm.

+ Bộ phận giá chuyển hướng: xà bệ, cối chuyển, bàn trượt, lò xo, xà nhún, xà liên kết, xà mang guốc hãm, suốt hãm, quang an toàn, độ hở khung giá, độ hở ống gió, trục bánh xe, hộp trục, van LV3, DP3, lò xo không khí...

+ Bộ phận hãm toa xe: hãm đầu xe (vòi hãm, khóa cắt gió, hãm tay), hãm bụng xe, thùng gió, nôi hãm, các van hãm, suốt hãm, ống gió, các khóa gió và các thiết bị hãm khác.

+ Các thiết bị treo dưới bệ xe: thùng nước, máy phát điện, thiết bị vệ sinh ...

+ Hệ thống điện trên toa xe, các trang thiết bị phục vụ hành khách (máy điều hòa không khí, máy phát điện, các loại cửa, giường...).

- + Trạng thái lò xo của toa xe khi có tải trọng.
- + Thiết bị an toàn: đồng hồ áp suất gió, van hãm khẩn cấp, hãm tay... lắp bên trong toa xe.
- + Thiết bị phòng chống cháy nổ, dụng cụ thoát hiểm trang bị trên toa xe.

2.2.3. Kiểm tra công nhân kỹ thuật theo tàu (bao gồm áp tải kỹ thuật toa xe và áp tải kỹ thuật điện, máy nổ, điều hòa không khí):

- Nhân lực lên ban (họ tên từng chức danh, bậc thợ, chứng chỉ nghề, tư thế tác phong, đồng phục, bảo hộ lao động, băng biển từng chức danh theo quy định...); chế độ lên, xuống ban; trình độ hiểu biết về qui trình, trình tự tác nghiệp khám chữa toa xe, biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn

- Các loại sổ sách ghi chép, nhật ký, ấn chỉ mang theo tàu.

- Dụng cụ, vật tư dự phòng mang theo;

2.2.4. Kiểm tra tại xưởng sửa chữa các cấp

- Công tác quản lý hồ sơ, lý lịch theo dõi của toa xe.

- Việc thực hiện các quy trình, quy phạm và các văn bản quy định trong sửa chữa các cấp.

- Công tác quản lý, cấp phát vật tư, chất lượng phụ tùng vật tư phục vụ sửa chữa.

2.2.5. Kiểm tra lực lượng, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn:

- Dụng cụ, trang thiết bị trên toa xe nhiệm sở (kỳ kích các loại, gổ kê, máy hàn cắt hơi, thiết bị chiếu sáng và dụng cụ cứu viện khác ...): công tác bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành... để sẵn sàng phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn.

- Đoàn cứu hộ, cứu nạn và các trang thiết bị trên các đoàn cứu hộ: công tác bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, vật tư dự phòng...

- Phương án bố trí vị trí thường trực, công tác thường trực cứu hộ, cứu nạn của lực lượng, phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ, cứu nạn.

2.3. Đối với hệ Vận tải

Kiểm tra các bộ phận trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu: nhân viên điều độ chạy tàu, trực ban chạy tàu, gác ghi, trưởng đồn, móc nối, trưởng tàu, nhân viên trên tàu gồm các nội dung:

- Việc bảo quản, ghi chép sổ sách, ấn chỉ chạy tàu, thực hiện các trình tự tác nghiệp theo quy định và sự hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ (phổ biến kế hoạch chạy tàu cho các chấn đường ngang, các chòi ghi; đồn, lập biên bản xác nhận hãm, cảnh báo, nhật ký đoàn tàu, báo cáo vận chuyển...); biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn...

- Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác chạy tàu, công tác cứu hộ, cứu nạn và phòng chống cháy nổ, số lượng và chất lượng từng loại.

- Công tác thường trực; thực hiện trình tự tác nghiệp đón, gửi, dồn tàu; tư thế tác phong, chế độ đồng phục, bảo hộ lao động và các quy định khác đối với chức danh phục vụ công tác chạy tàu theo quy định.

- Việc sử dụng, bảo quản các thiết bị chạy tàu (thiết bị thông tin, đài không chế...).

- Việc thực hiện chế độ giao nhận và kiểm ban.

- Công tác báo cáo, phối hợp cứu hộ, cứu nạn và biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra.

- Biện pháp khắc phục các tồn tại mà các đoàn kiểm tra trước phát hiện.

- Vệ sinh công nghiệp, an toàn về điện, phòng chống cháy nổ.

2.4. Đối với hệ Cơ sở hạ tầng

2.4.1. Cung cầu, đường:

- Kiểm tra thực tế một số vị trí quản lý của đơn vị ngoài hiện trường trong quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, việc đảm bảo ATGTĐS đối với các mặt công tác chính gồm: Nền đá, nền đường; cọc móng, biển hiệu, tín hiệu; vật liệu; đường ngang; cự ly, thủy bình, cao thấp phương hướng; chèn tà vẹt; phụ tùng nối giữ; ray; tà vẹt; đầu mối ray; khe hở ray; kích thước nền đá và đối chiếu với sổ sách quản lý của đơn vị.

- Việc bố trí nhân lực, vật tư để thực hiện việc sửa chữa, duy tu, khẩn cấp các điểm xấu ảnh hưởng đến ATGTĐS.

- Kiểm tra hệ tuần, gác:

+ Hành trình tuần đường, tuần cầu; thời gian đi, về và việc giao nhận thẻ bài theo quy định.

+ Việc quản lý, ghi chép sổ sách (sổ giao ban tuần đường, nhật ký đường ngang, kế hoạch ban, kế hoạch giai đoạn, sổ mệnh lệnh... theo quy định); việc ký xác nhận hành trình của tuần đường tại sổ nhật ký đường ngang .

+ Dụng cụ, trang thiết bị đảm bảo ATGTĐS (cờ, đèn, còi, pháo phòng vệ, dụng cụ duy tu, biển phòng vệ di động ngừng, đồng hồ và một số dụng cụ cần thiết khác).

+ Việc thực hiện trình tự tác nghiệp; sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ; tư thế tác phong, chế độ đồng phục, bảo hộ lao động; thao tác sử dụng hệ thống thông tin tín hiệu.

+ Trạng thái, chất lượng đường ngang, mặt đường ngang, dàn chắn, cần chắn, thiết bị phòng vệ, hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu (bao gồm cả đường ngang hợp pháp và lối đi tự mờ).

+ Công tác báo cáo, phối hợp cứu hộ, cứu nạn và biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra.

+ Biện pháp khắc phục các tồn tại mà các đoàn kiểm tra trước phát hiện.

+ Vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ.

- Kiểm tra vi phạm hành lang an toàn GTĐS: Cây cối, các công trình xây dựng, các chướng ngại vật khác...

- Kiểm tra bằng các thiết bị chuyên dùng (Máy EM120...)

2.4.2. Kiểm tra thông tin, tín hiệu ĐS:

+ Biểu thị tín hiệu phải rõ ràng, chính xác.

+ Tầm nhìn tín hiệu cả ban ngày và ban đêm (đảm bảo các chức danh làm công tác chạy tàu xác nhận rõ ràng, chính xác).

+ Trạng thái hoạt động của các tín hiệu (vào, ra ga, dồn, phòng vệ, vào bãi...) hiển thị ở các trạng thái khác nhau phải đúng nguyên lý hoạt động của thiết bị.

+ Thiết bị đóng đường khu gian, đảm bảo hoạt động chính xác đúng trình tự các bước xin, cho đường và quy định liên khoá với tín hiệu gửi tàu.

+ Đối với loại tín hiệu có cánh về ban đêm đều phải có ánh đèn ở phía sau để trực ban chạy tàu hoặc lái tàu xác nhận được trạng thái tín hiệu. Hệ thống tay bẻ và đường dây kéo phải hoạt động linh hoạt; tay bẻ có chốt hãm ở các vị trí theo quy định. Kiểm tra liên khoá giữa tay bẻ tín hiệu với ghi và đường chạy.

+ Độ linh hoạt của các nút ấn trên đài không chế, sự biểu thị chính xác giữa tín hiệu trên đài không chế và tín hiệu ngoài trời theo quy định; quan hệ liên khoá ghi, đường chạy và các tín hiệu biểu thị trên đài không chế; kẹp chì của các nút ấn.

+ Việc thực hiện kế hoạch duy tu, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị thông tin tín hiệu theo quy định đảm bảo các thiết bị thông tin liên lạc chạy tàu, các máy điện thoại phải nghe rõ, ít tạp âm.

+ Việc sử dụng thiết bị thông tin, cung cấp nguồn điện, chất lượng đường dây truyền dẫn theo đúng quy định.

+ Việc liên khoá giữa ghi, tín hiệu, đường chạy đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

+ Hoạt động của hệ thống thiết bị tín hiệu ở chế độ cấp nguồn một chiều và xoay chiều, tủ nguồn tín hiệu cấp nguồn cho tín hiệu trong ga; hệ thống mạch điện đường ray trong phạm vi ga hoạt động đúng thiết kế.

+ Máy bẻ ghi, động cơ quay ghi, các bộ khoá ghi, độ hở, độ mở lưỡi ghi ở cả định vị và phản vị, các bu lông bắt trụ ghi, khớp nối đạo quản, các ốc điều chỉnh A, B, bàn trượt và chốt an toàn...

+ Đối với ghi hộp khoá điện và ghi động cơ điện cần phải thử quan hệ liên khoá cùng với đài không chế, độ tin cậy của ghi khi được khoá và hoạt động của ghi ở trạng thái bình thường; độ tiếp ngắt của các tiếp điểm hộp khoá điện của các ghi liên quan.

+ Tại đường ngang có người gác bao gồm: hoạt động của thiết bị thông tin giữa ga và đường ngang; tín hiệu đèn, chuông trên cột ngăn đường bộ, đài điều khiển tín hiệu đường ngang, kẹp chì nút trở ngại trên đài điều khiển và các trang thiết bị hỗ trợ khác (nếu có).

+ Tại đường ngang đường ngang cảnh báo tự động; đường ngang cảnh báo tự động có cản chắn tự động: hoạt động của thiết bị khi có tàu chạy qua đường ngang, tín hiệu đèn, chuông, loa phát thanh, việc cản chắn nâng, hạ (đối với đường ngang cản chắn tự động); theo dõi thời gian cảnh báo và ngắt cảnh báo theo quy định, tín hiệu khi có sự cố hoặc duy tu, sửa chữa theo quy định; số kiểm tra của nhân viên thông tin tín hiệu hàng ngày.

2.4.3. Công tác kiểm tra thi công trên đường sắt và trong phạm vi hành lang an toàn đường sắt:

- Các thủ tục thi công: giấy phép thi công; biên bản bàn giao an toàn của các đơn vị quản lý và đơn vị thi công; đề cương (hoặc phương án thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt); hồ sơ biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn (phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; mệnh lệnh phong tỏa, mệnh lệnh cho phép thi công của điều độ chạy tàu, các giấy tờ khác do trực ban chạy tàu ga cấp; chứng chỉ “An toàn chạy tàu trong điều kiện vừa thi công vừa tổ chức chạy tàu” của chỉ huy công trường và kỹ thuật thi công.

- Biện pháp phòng vệ trong thi công: biển báo trước, biển thực hiện, người phòng vệ, thấp đèn ban đêm tại biển thực hiện theo quy định.

- Phương án thi công: thi công theo đúng các phương án đã được phê duyệt.

- Chứng chỉ an toàn của các công nhân làm việc trên công trường.

- Việc trang bị bảo hộ lao động cho phụ trách thi công, người lao động trên công trường.

- Phương án đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa bão;

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công.

- Công tác phối hợp cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố, tai nạn GTĐS.

Chú ý: Ngoài các nội dung được quy định trên đây cán bộ và các đoàn kiểm tra còn phải căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến nội dung công tác đảm bảo ATGTĐS để kiểm tra và thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Xử lý sau kiểm tra

1. Sau các đợt kiểm tra, các đoàn kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra, các tồn tại cần xử lý và yêu cầu các đơn vị xử lý theo quy định.

2. Khi nhận được Thông báo kết quả kiểm tra, các tồn tại cần xử lý của các đoàn kiểm tra, lãnh đạo các đơn vị phải tổ chức họp phân tích các vi phạm, có biện pháp xử lý các đơn vị, cá nhân có sai phạm.

3. Đối với các vi phạm nghiêm trọng uy hiếp đến ATGTĐS đã bị tạm thời đình chỉ, đơn vị phải có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời để đảm bảo ATGTĐS, không để ách tắc sản xuất và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền về công tác khắc phục.

4. Khi thực hiện kiểm tra phúc tra nếu các vi phạm đã yêu cầu xử lý mà đơn vị chưa xử lý theo quy định thì lập biên bản và báo cáo Tổng công ty ĐSVN để có biện pháp xử lý đối với người đứng đầu của đơn vị đó.

5. Kết quả phân tích, xử lý các sai phạm sau kiểm tra đơn vị phải gửi kết quả xử lý bằng văn bản cho đoàn kiểm tra biết và Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN-ATGTĐS) để theo dõi, chỉ đạo.

6. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra của đơn vị trong tháng theo quy định gửi về Tổng công ty ĐSVN qua Ban AN-ATGTĐS để tập hợp, theo dõi.

CHƯƠNG 3

QUY ĐỊNH VỀ CẤP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG THẺ KIỂM TRA AN TOÀN,

Điều 14. Mục đích phát hành Thẻ kiểm tra an toàn

Thẻ kiểm tra an toàn do Tổng công ty ĐSVN cấp cho các cá nhân làm công tác an toàn để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác kiểm tra đảm bảo an toàn GTĐS được quy định.

Thẻ là hình thức thay thế cho giấy giới thiệu hoặc quyết định kiểm tra. Việc cấp thẻ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức kiểm tra đảm bảo ATGTĐS trong Tổng công ty ĐSVN.

Điều 15. Thẻ kiểm tra an toàn

1. Là chứng chỉ chứng nhận cá nhân (có tên và ảnh trong Thẻ) được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẻ chỉ được dùng khi kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS. Không được sử dụng Thẻ kiểm tra an toàn thay thế cho các loại giấy tờ khác và không được dùng vào mục đích khác.

Điều 16. Mẫu Thẻ và thời hạn sử dụng Thẻ

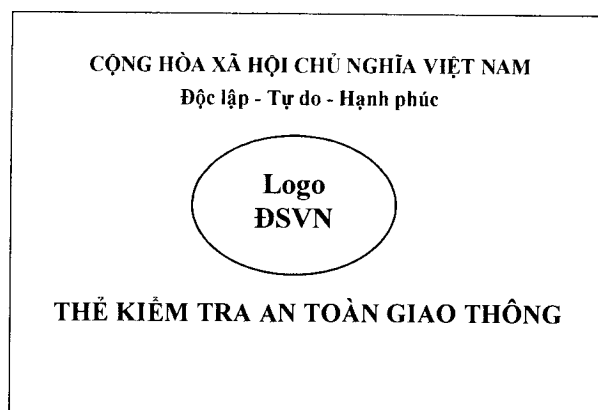
1. Thẻ hình chữ nhật, rộng 58 mm, dài 87 mm, gồm phôi Thẻ và màng bảo vệ. Nội dung trên Thẻ được trình bày theo phông chữ của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ Việt Unicode) theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

2. Phôi Thẻ gồm 2 mặt theo mẫu:

a) Mặt trước (hình 1) nền màu đỏ, chữ in màu vàng; ở giữa là hình ảnh logo Tổng công ty ĐSVN, phía dưới là dòng chữ in hoa “THẺ KIỂM TRA AN TOÀN GIAO THÔNG” (khổ chữ 16) và trên cùng là dòng chữ Quốc hiệu (khổ chữ 9):

“CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”



Hình 1

b) Mặt sau:

* Thẻ kiểm tra (hình 2): Nền màu vàng nhạt, có đường viền màu đỏ bao quanh; chính giữa là hoa văn hình lo go Tổng công ty ĐSVN bao quanh là các tia hoa văn lan tỏa ra xung quanh với các hàng chữ “ĐSVN”.

Nội dung trên mặt sau có các thông tin thể hiện như trên mẫu (hình 2), trong đó:

- (1) Ghi số Thẻ: Số Thẻ gồm các chữ số/ĐSVN, trong đó các chữ số là số thứ tự của người được cấp Thẻ;
- (2) Ghi chức danh của người ký;
- (3) Chữ ký, họ và tên người ký và dấu của Tổng công ty ĐSVN;
- Ảnh màu cỡ 3 x 4 theo quy được đóng 1/4 dấu của Tổng công ty ĐSVN.

Số (1) /ĐSVN	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <p>Ảnh màu 3x4</p> </div>	Cấp cho ông, bà
	Chức danh.
	Đơn vị
	Được quyền kiểm tra việc chấp hành các quy định về trật tự an toàn giao thông đường sắt
	<i>Hà Nội, ngày . tháng . năm ..</i>
	(2) Tổng giám đốc
	(3) ...

Hình 2

3. Thời hạn sử dụng ghi trên Thẻ không quá 3 năm, kể từ ngày cấp mới, cấp lại Thẻ.

Điều 17. Thẩm quyền ký và phát hành Thẻ kiểm tra an toàn

1. Thẻ kiểm tra an toàn do Tổng công ty ĐSVN phát hành theo số lượng và mẫu thống nhất trong quy định này.

2. Người có thẩm quyền ký phát hành thẻ kiểm tra an toàn là Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN.

Điều 18. Đối tượng được cấp Thẻ kiểm tra an toàn

Đối tượng được cấp Thẻ kiểm tra an toàn bao gồm:

1. Hội đồng thành viên; Ban điều hành; Phó bí thư thường trực Đảng ủy Tổng công ty, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty, Bí thư Đoàn TN Tổng công ty;
2. Lãnh đạo và các chuyên viên của Ban AN-ATGTĐS;
3. Lãnh đạo và chuyên viên (tối đa 05 người) thường xuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra an toàn thuộc các Ban: VT, ĐMTX, QLKCHTĐS;
4. Lãnh đạo và chuyên viên Phân ban QLKCHTĐS khu vực: 1, 2, 3;
5. Giám đốc, Phó giám đốc, lãnh đạo phòng KHKD&KTAT và các chuyên viên phụ trách kỹ thuật, an toàn trực tiếp thực hiện công tác kiểm tra, các Giám sát viên ATGTĐS tại các Chi nhánh KTĐS;
6. Giám đốc, Phó giám đốc và lãnh đạo phòng An toàn – Nghiệp vụ thuộc Trung tâm điều hành vận tải đường sắt.
7. Trường hợp đặc biệt do Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định.

Điều 19. Nghĩa vụ của người được cấp Thẻ kiểm tra an toàn

1. Xuất trình Thẻ kiểm tra an toàn khi thực hiện nhiệm vụ.
2. Sử dụng Thẻ kiểm tra được cấp đúng mục đích.
3. Bảo quản thẻ và trả lại Thẻ khi thay đổi vị trí công tác khác hoặc thời không thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS.

Điều 20. Trình tự, thủ tục cấp Thẻ kiểm tra an toàn

1. Thủ trưởng các đơn vị có đối tượng được cấp Thẻ kiểm tra an toàn quy định tại Điều 18 của Quy định này căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức thực hiện đăng ký, có công văn đề nghị cấp Thẻ kiểm tra an toàn kèm theo trích ngang, các chức danh của CBVC thuộc đơn vị mình kèm theo mỗi người 01 ảnh 3x4 gửi về Tổng công ty ĐSVN qua Ban AN-ATGTĐS để làm thủ tục cấp Thẻ kiểm tra an toàn theo quy định này. Mỗi năm Tổng công ty ĐSVN chỉ xét và cấp Thẻ mới một đợt vào quý I.

2. Ban AN-ATGTĐS có trách nhiệm kiểm tra các thông tin trong công văn đề nghị của các đơn vị đề nghị cấp Thẻ kiểm tra an toàn trước khi trình Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN xem xét, cấp Thẻ.

3. Văn phòng Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm làm các thủ tục in Thẻ kiểm tra an toàn theo danh sách đã được Tổng giám đốc phê duyệt.

4. Các đối tượng được cấp Thẻ kiểm tra an toàn quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 của Quy định này có trách nhiệm ký nhận Thẻ trực tiếp tại Ban AN-ATGTĐS.

5. Đối với các đối tượng được cấp Thẻ kiểm tra an toàn quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 18 của Quy định này, thủ trưởng đơn vị ký nhận Thẻ tại Ban AN-ATGTĐS, giao Thẻ cho từng cá nhân trong đơn vị mình và chịu trách nhiệm quản lý Thẻ trong đơn vị theo quy định.

Điều 21. Xứ lý vi phạm đối với người cấp và người được cấp Thẻ kiểm tra an toàn

1. Ban AN-ATGTĐS và Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ cấp Thẻ kiểm tra mà cấp không đúng đối tượng, trình tự, thủ tục quy định, tùy theo mức độ gây thiệt hại sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường vật chất theo quy định hiện hành.

2. Cá nhân có tên trong Thẻ nếu vi phạm khoản 2 Điều 15 của Quy định này thì tùy theo mức độ gây thiệt hại sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường vật chất theo quy định hiện hành.

3. Cá nhân quản lý Thẻ hoặc được cấp Thẻ để mất phải báo ngay cho thủ trưởng đơn vị quản lý biết. Nếu Thẻ bị mất do nguyên nhân khách quan thì được xét cấp lại; nếu để mất Thẻ do nguyên nhân chủ quan thì phải bồi thường chi phí làm Thẻ mới.

CHƯƠNG 4

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT

Điều 22: Chế độ báo cáo công tác kiểm tra.

1. Trước ngày 28 hàng tháng, các đơn vị tổng hợp tình hình kiểm tra và xử lý sau kiểm tra của đơn vị, gửi báo cáo kèm theo biên bản kiểm tra của lãnh đạo đơn vị (mẫu báo cáo có phụ lục kèm theo) về Tổng công ty ĐSVN qua Ban AN-ATGTĐS.

2. Ngày 01 hàng tháng, Ban AN-ATGTĐS tổng hợp các báo cáo kiểm tra và kết quả xử lý sau kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty.

Điều 23: Khen thưởng, kỷ luật trong công tác kiểm tra.

1. Các đơn vị làm tốt công tác kiểm tra, có nhiều biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn được các vi phạm, báo cáo đúng kỳ hạn sẽ được khen thưởng.

2. Các đơn vị không thực hiện tốt công tác kiểm tra và chế độ báo cáo, Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

CHƯƠNG 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thi hành quy định này.

2. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty CPVTĐS, CPĐS, CPTTTHĐS có trách nhiệm tham gia ý kiến với ban điều hành công ty để xây dựng quy định kiểm tra theo đặc thù của từng đơn vị trên cơ sở nội dung

công tác kiểm tra của quy định này hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thực hiện.

Xây dựng các quy định về việc in, cấp thẻ kiểm tra an toàn trong nội bộ đơn vị.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN-ATGTĐS) để xem xét, bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Tá Tùng

Phụ lục qui định công tác kiểm tra ATGTĐS

(kèm theo quyết định số ~~1013~~ /QĐ-ĐS ngày ~~20~~ tháng 7 năm 2018)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN ĐƠN VỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BBKT-

BIÊN BẢN

Kiểm tra An toàn giao thông đường sắt

Hồi giờ phút, ngày tháng năm 20

I – Thành phần đoàn kiểm tra gồm:

- | | | |
|------------|--------------------|-------------------|
| 1. | Chức vụ: | Đơn vị: |
| 2. | Chức vụ: | Đơn vị: |
| 3. | Chức vụ: | Đơn vị: |
| 4. | Chức vụ: | Đơn vị: |
| 5. | Chức vụ: | Đơn vị: |

Cùng tiến hành kiểm tra công tác đảm bảo ATGTĐS tại:

II - Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

III - Kết luận

Biên bản lập xong lúc h phút cùng ngày thông qua cho các thành viên trong đoàn kiểm tra và thống nhất với nội dung trong biên bản ./.

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

(Hoặc người được kiểm tra)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ
Số: /BC-

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

BÁO CÁO

Tổng hợp công tác kiểm tra đảm bảo ATGTĐS tháng (quí) năm 20....

1. TÌNH HÌNH SỰ CỐ, TAI NẠN XẢY RA TRÊN PHẠM VI QUẢN LÝ: (số liệu tính từ ngày 25 tháng trước đến 24 tháng sau, so sánh cùng kỳ năm trước)

1.1. Tai nạn:

+ Khách quan: vụ;

+ Chủ quan: vụ; Nguyên nhân; Trách nhiệm

1.2. Sự cố:

+ Khách quan: vụ;

+ Chủ quan: vụ; Nguyên nhân; Trách nhiệm

1.3. Tai nạn khác:

+ Khách quan: vụ;

+ Chủ quan: vụ; Nguyên nhân; Trách nhiệm

+ Thiệt hại về người: chết người; bị thương người.

1.4. Xử lý kỷ luật khi để xảy ra sự cố, tai nạn:

+ Tổng số trường hợp: (cá nhân, tập thể);

+ Hình thức kỷ luật: (cá nhân, tập thể);

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẢM BẢO ATGTĐS: (nêu cụ thể công tác triển khai các văn bản, chỉ thị, công điện triển khai các biện pháp đảm bảo ATGTĐS của cấp trên và đơn vị. Các giải pháp đảm bảo ATGTĐS của đơn vị đã thực hiện trong tháng..., đánh giá việc thực hiện các giải pháp...).

Đối với các đơn vị khối KCHTĐS báo cáo thêm các nội dung sau:

2.1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ HẠTGTĐS, HÀNH LANG ĐƯỜNG DÂY THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT (tách ra theo tuyến đường, theo địa phận tỉnh):

- Số điểm vi phạm hành lang:..... (mép ray ngoài cùng ra 05m):

+ Tổng số điểm vi phạm: điểm;

+ Tổng diện tích vi phạm HL:m²;

+ Tổng số điểm đã giải tỏa trong tháng (kỳ báo cáo): điểm;

- Số điểm vi phạm HẠTGTĐS tiếp theo từ 05m đến 15m:

+ Tổng số điểm vi phạm: điểm;

+ Tổng diện tích vi phạm HL:m²;

+ Tổng số điểm đã giải tỏa trong tháng (kỳ báo cáo): điểm;

2.2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐƯỜNG NGANG (tách ra theo tuyến đường, theo địa phận tỉnh; báo cáo một lần, khi có thay đổi hoặc phát sinh thì báo cáo tiếp):

- Tổng số đường ngang: đường

+ ĐN có gác: đường;

+ ĐN CBTĐ: đường; ĐN CBTĐ có CCTĐ: đường;

- + ĐN Biển báo: đường;
- Tổng số ĐN chưa có (hoặc do thất lạc hồ sơ) QĐ thành lập:
- + Có gác: đường;
- + CBTĐ: đường;
- + BB: đường;
- Tổng số đường ngang nội bộ đường;
- + Có gác: đường;
- + CBTĐ: đường;
- + BB: đường;
- Các loại biển báo thuộc trách nhiệm của địa phương và cơ quan quản lý đường bộ còn thiếu (theo quy định tại thông tư 62/TT-BGTVT ngày 04/11/2015 quy định về đường ngang của Bộ GTVT:
- Các loại biển báo, vạch dừng, cọc tiêu thuộc trách nhiệm của ngành đường sắt còn thiếu theo quy định tại Thông tư 62/TT-BGTVT ngày 04/11/2015 quy định về đường ngang của Bộ GTVT:

2.3. THỰC HIỆN QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA BỘ GTVT VỚI UBND CÁC TỈNH TẠI CÁC ĐIỂM GIAO CẮT CÙNG MỨC GIỮA ĐƯỜNG BỘ VỚI ĐƯỜNG SẮT (tách ra theo tuyến đường, theo địa phận tỉnh):

- Lối đi tự mở:
- + Tổng số lối đi tự mở:
- + Số lối đi tự mở giảm trong tháng (kỳ báo cáo):
- Thu hẹp lối đi tự mở:
- + Đã thu hẹp: lối đi;
- + Thu hẹp trong tháng (kỳ báo cáo): lối đi;
- Cắm biển "**Chú ý tàu hỏa**":
- + Đã cắm biển (tính đến 31/12/2015): biển;
- + Cắm biển trong tháng (kỳ báo cáo): biển;
- Địa phương tổ chức cảnh giới (chốt gác):
- + Tổng số điểm cảnh giới: điểm; thời gian từ ...h... đến ...h...; điểm cảnh giới có cản chướng: điểm
- + Tổng số điểm chốt gác (24/24h): điểm;
- Đơn vị tổ chức cảnh giới (chốt gác):
- + Tổng số điểm cảnh giới:; thời gian từh... đến ... h...
- + Tổng số điểm chốt gác (24/24h): điểm;
- Tổ chức tuyên truyền ATGTĐS: lượt
- Hướng dẫn địa phương tạo mặt lát êm thuận tại lối đi dân sinh: điểm
- Hàng rào ngăn cách ĐS với đường gom và đường sắt với đường bộ chạy song song liền kề:m
- Đường gom: m

3. TỔNG HỢP CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ SAU KIỂM TRA:

- Tổng số lượt kiểm tra của đơn vị: lượt; Tổng số biên bản kiểm tra của đơn vị...biên bản. Cụ thể:
- + Tổng số lượt kiểm tra của lãnh đạo đơn vị và các phòng tham mưu:....lượt

- + Tổng số biên bản đã lập:.....biên bản.
- + Các chức danh khác kiểm tra:....lượt; lập.....biên bản.
- Các tồn tại phát hiện được trong quá trình kiểm tra của đơn vị mình và các sai phạm của đơn vị khác.
- Công tác xử lý sau kiểm tra:
 - + Tổng số cá nhân bị xử lý....., hình thức xử lý...
 - + Tổng số cá nhân được khen thưởng....., hình thức khen thưởng.

4. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN GTĐS TRONG THÁNG KẾ TIẾP.

5. KIẾN NGHỊ:

Nơi nhận:

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)



